

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNMT
V/v triển khai thực hiện
Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói nông sản trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; Công văn số 8695/BNMT-TTTV ngày 03/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP về đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói (MSCSDG), UBND tỉnh yêu cầu:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối của tỉnh trong công tác quản lý MSVT, MSCSDG, có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai đầy đủ các quy định của Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định, quy trình, quy chế phối hợp thuộc thẩm quyền của địa phương để bảo đảm thống nhất với quy định mới.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp cho UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân về các nội dung, vướng mắc liên quan đến cấp và quản lý MSVT, MSCSDG.

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa thông tin các vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn; cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (bao gồm các mã số đã được cấp trước đó), bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

- Giao cơ quan chuyên môn trực thuộc là đầu mối tổng hợp danh sách mã số đã được cấp đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu gửi về cơ quan đầu mối thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để chuyển nước nhập khẩu phê duyệt; thông báo cho UBND cấp xã kết quả phê duyệt của nước nhập khẩu, các thông báo không tuân thủ và các thông tin liên quan khác để thông tin cho các tổ chức, cá nhân có liên quan; công khai, cập nhật danh sách MSVT, MSCSDG đã được cấp, phê duyệt (gồm các thông tin: mã số, tên tổ chức/cá nhân hoặc tên đơn vị đại diện, địa chỉ, sản phẩm, diện tích, thị trường xuất khẩu) kèm theo trạng thái hoạt động của

mã số (đang hoạt động, chờ phê duyệt, tạm dừng hoặc thu hồi) trên Hệ thống xử lý nghiệp vụ để các tổ chức, cá nhân tra cứu.

- Chủ trì kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện tại các địa phương; kịp thời chấn chỉnh các đơn vị thực hiện chậm hoặc chưa đúng quy định; biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả nhằm tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và các quy định của Nghị quyết 36/2026/NQ-CP; hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp chủ động đăng ký, duy trì điều kiện của mã số sau khi được cấp; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tập huấn và đối thoại trực tiếp tại vùng sản xuất.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu

Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân cấp theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác cấp, quản lý MSVT, MSCSDG trên địa bàn, cụ thể:

- Thực hiện các thủ tục hành chính về cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định, không để tồn đọng hồ sơ do nguyên nhân chủ quan; thực hiện việc thu hồi, tạm dừng, khôi phục mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP; thực hiện phê duyệt mã số trong trường hợp nước nhập khẩu đồng ý để cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tự phê duyệt.

- Xác nhận thông tin về vị trí, diện tích vùng trồng đối với trường hợp thửa đất đề nghị cấp MSVT chưa có hoặc chưa thể khai thác mã định danh thửa đất trong quá trình kiểm tra thực tế và hậu kiểm.

- Tổ chức hậu kiểm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không đăng ký xuất khẩu đến các thị trường có yêu cầu về mã số, trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày mã số được cấp và trả lời ngay cho tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức kiểm tra thực tế đối với các trường hợp xuất khẩu sang thị trường có yêu cầu về mã số; ban hành Thông báo cấp mã số theo quy định; phê duyệt ngay mã số đối với trường hợp nước nhập khẩu đồng ý để cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tự phê duyệt; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phải được nước nhập khẩu phê duyệt, trong vòng 01 ngày kể từ ngày có thông báo cấp MSVT, MSCSDG, UBND cấp xã gửi thông báo cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để kịp thời tổng hợp, gửi danh sách về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, cập nhật dữ liệu MSVT, MSCSDG; đồng thời phối hợp trong các trường hợp phải trình nước nhập khẩu phê duyệt và xử lý các thông báo không tuân thủ của nước nhập khẩu.

- Chủ động tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về đăng ký, quản lý và duy trì điều kiện của MSVT, MSCSDG.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói nông sản (*Phụ lục đính kèm*)

- Các tổ chức cá nhân đăng ký MSVT, MSCSDG chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của thông tin đã kê khai trong đơn đề nghị cấp MSVT hoặc MSCSDG.

- Chủ động phối hợp với UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm; thực hiện đầy đủ các yêu cầu khắc phục khi có thông báo không phù hợp hoặc cảnh báo của cơ quan quản lý và nước nhập khẩu.

- Tăng cường liên kết sản xuất, áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; phối hợp với chính quyền địa phương để có hướng dẫn, cập nhật thông tin khi có thay đổi về diện tích, chủ sở hữu, cơ sở đóng gói hoặc các nội dung liên quan đến mã số đã được cấp.

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Lê Văn Bảo;
- PCVP phụ trách lĩnh vực;
- Lưu: VT, NNMT.(LCT)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Bảo

Phụ lục:
Các tổ chức, cá nhân sản xuất, đóng gói nông sản có MSVT, MSCSDG đang hoạt động

T T	Tên vùng trồng/cơ sở	Địa chỉ
1	Vùng trồng lúa Hợp tác xã sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ nông nghiệp Uyên Phong (0979783936)	Xã Tuyên Hóa
2	Vùng trồng lúa Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp Thành Công (0366124463)	
3	Hợp tác xã Nông nghiệp và Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Xuân Sơn (0989360141)	
4	Hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Nông nghiệp Cổ Cảng (0986976609)	Xã Tuyên Bình
5	Nhóm hộ sản xuất lúa xã Phong Hoá (Đại diện: ông Nguyễn Thanh Tịnh 0815159137)	
6	Hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp và Dịch vụ tổng hợp xã Đức Hoá (0880898345)	Xã Tuyên Phú
7	Nhóm hộ sản xuất lúa xã Thạch Hoá (Đại diện: ông Hồ Duy Tuất 0395609199)	
8	Vùng trồng Thuận (Đại diện: ông Nguyễn Dương Tài 0987109818)	Xã Lìa
9	Vùng trồng A Ho (Đại diện: ông Hồ Văn Bình 0947823288)	
10	Vùng trồng A Rông – Kỳ Nôi (Đại diện: ông Hồ Văn Thủ 0327057652)	
11	Vùng trồng Tân Thuận (Đại diện: ông Võ Thị Phương 0366544474)	Xã Tân Lập
12	Vùng trồng Trầm Cheng (Đại diện: ông Hồ Phân 0337863409)	
13	Vùng trồng Cổ Thành (Đại diện: ông Hoàng Văn Đức 0988197333)	Xã Lao Bảo
14	Vùng trồng Xi núc (Đại diện: ông Nguyễn Triệu Chung 0917070357)	
15	Vùng trồng Ka tăng (Đại diện: ông Trần Ngọc Phú 0369554555)	
16	Vùng trồng Tà Đủ - Tân Hợp (Công ty TNHH My Anh – Khe Sanh có 02 mã CSDG)	Xã Khe Sanh
17	Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thương mại nông nghiệp Tân Hợp	

T T	Tên vùng trồng/cơ sở	Địa chỉ
18	Vùng trồng Xy (Đại diện: ông Hồ Bệt Ma 0355180875)	Xã A Dơi
19	Vùng trồng chanh leo 1 (Đại diện: ông Lê Công Phương 0918129095)	Xã Hường Phùng
20	Vùng trồng chanh leo 2 (Đại diện: ông Văn Ngọc Khánh 0939651045)	
21	Vùng trồng chanh leo 3 (Đại diện: ông Phan Thanh Tuấn 0392332227)	
22	HTX nông nghiệp Cổ Mỹ	Xã Cửa Tùng
23	Hợp tác xã sản xuất, thương mại, dịch vụ Ông Voi	Xã Cồn Tiên
24	Hợp tác xã nông nghiệp Cam An	Xã Hiếu Giang
25	Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Như Lệ	P. Quảng Trị
26	Hợp tác xã Sản xuất dịch vụ nông nghiệp Lam Thủy	Xã Vĩnh Định
27	Hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ nông sản Thuận Việt	Xã Mỹ Thủy